

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG NĂM 2017**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-MIỀN TRUNG**
- Tên tiếng Anh: Sai Gon-Mien Trung Beer Joint Stock Company
- Tên viết tắt: SMB
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100739909 ngày 03/01/2014 do Sở Kế hoạch-Đầu tư tỉnh ĐakLak cấp.
- Vốn điều lệ: 298.466.480.000 VNĐ.  
*(Hai trăm chín mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng).*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 298.466.480.000 VNĐ.  
*(Hai trăm chín mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng).*
- Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐakLak.
- Điện thoại: 0262-3877519 - Fax: 0262-3877455
- Website: <http://www.biasaigonmt.com.vn>
- Email: [vutuananhdl@gmail.com](mailto:vutuananhdl@gmail.com)
- Mã cổ phiếu: SMB

**\*Quá trình hình thành và phát triển**

**- Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 đơn vị: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Quy Nhơn, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Phú Yên, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-ĐakLak theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hợp nhất ngày 20/09/2008 và chính thức hoạt động từ ngày 01/10/2008.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3503000233 do Sở Kế hoạch-Đầu Tư tỉnh Bình Định cấp ngày 26/09/2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 số: 4100739909 do Sở Kế hoạch-Đầu tư tỉnh ĐakLak cấp ngày 03/01/2014.

Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung là Công ty thành viên của Tổng Công ty CP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), hoạt động chịu sự chi phối của SABECO qua:

- + Quy định của pháp luật và Điều lệ của SABECO về mối quan hệ giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Cổ phần chi phối và thương hiệu Bia Sài Gòn;
- + Định hướng phát triển và tiêu thụ sản phẩm.

- + Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa;
- + Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty;
- + Đảm bảo lợi ích của cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Công ty có 02 Chi nhánh:

**\* Chi nhánh Phú Yên:**

Địa chỉ: 265 Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**\* Chi nhánh Quy Nhơn:**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Các sự kiện khác:** Công ty hoàn tất đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 08/09/2010 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán SMB.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- **Ngành nghề kinh doanh** (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

- Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, cồn và nước giải khát;

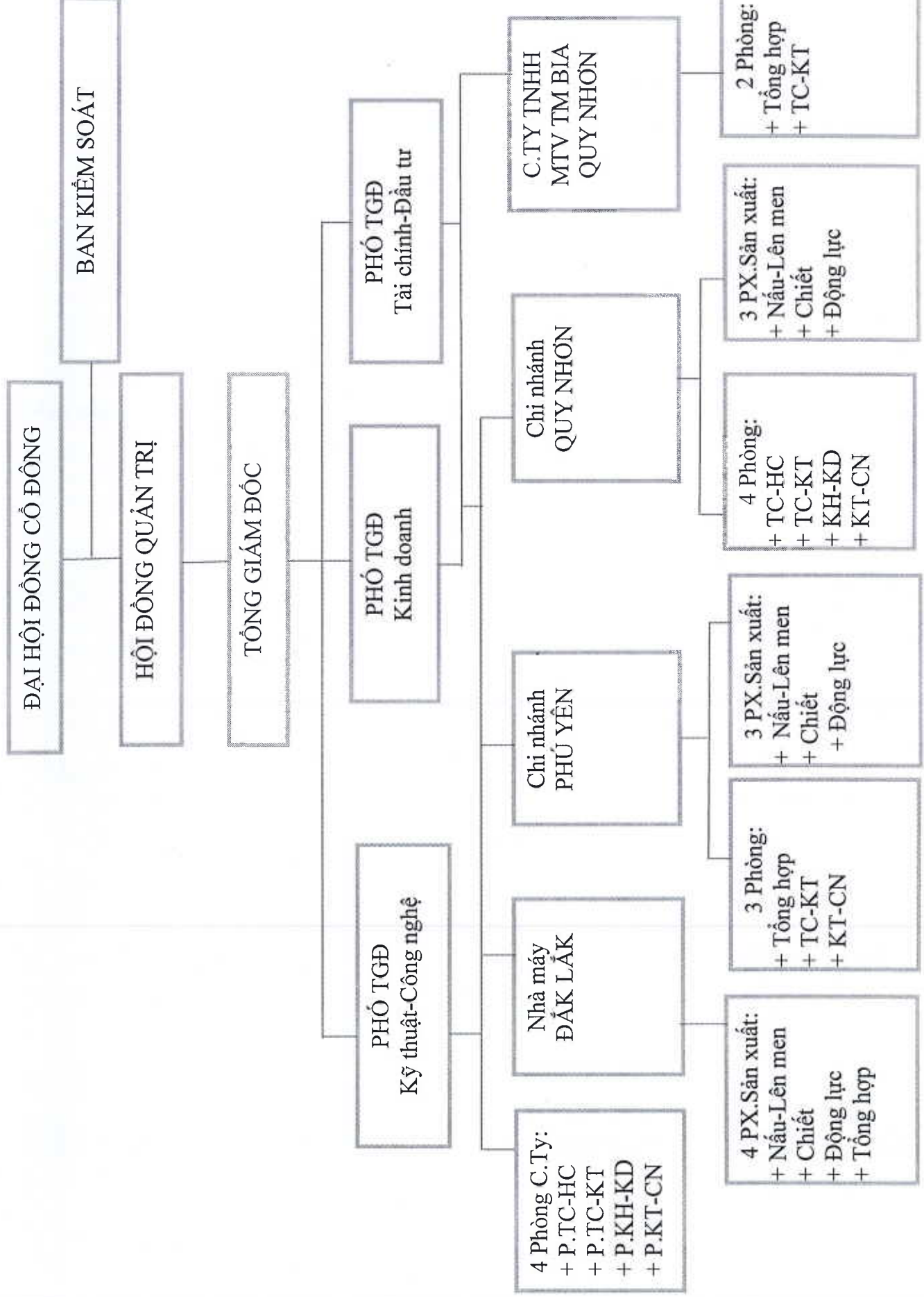
- **Địa bàn kinh doanh:**

Các địa bàn kinh doanh chính: Tỉnh ĐakLak, Bình Định và Phú Yên.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- **Mô hình quản trị: Sơ đồ tổ chức:**







- P. TC-HC: Phòng Tổ chức-Hành chính
- P. TC-KT: Phòng Tài chính-Kế toán
- P. KH-KD: Phòng Kế hoạch-Kinh doanh
- P. KT-CN: Phòng Kỹ thuật-Công nghệ
- PX. Sản xuất: Phân xưởng sản xuất gồm: + Phân xưởng Nấu-lên men; + Phân xưởng Chiết; + Phân xưởng Động lực; + Phân xưởng Tổng hợp.

### **- Cơ cấu bộ máy quản lý**

#### **\* Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ: Thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ SXKD; Quyết định sửa đổi bổ sung vốn điều lệ Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

#### **\* Hội đồng quản trị (HĐQT):**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với số lượng thành viên ít nhất 05 người, nhiệm kỳ 05 năm.

Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT.

HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

#### **\* Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu với nhiệm kỳ 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

#### **\* Ban điều hành Công ty:**

Tổng Giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện Pháp luật của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm kỳ 05 năm.

73990  
NG TY  
PH  
SÀI G  
N TRU  
THUQT

cụ thể và chịu trách nhiệm về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

**\* Phòng Tổ chức-Hành chính:**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản SXKD, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Tổng Giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm. Theo dõi công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

**\* Phòng Kế hoạch-Kinh doanh:**

Chịu trách nhiệm thu thập thông tin đánh giá thị trường, xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm; Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chính sách giá bán sản phẩm, quảng cáo, phương thức bán hàng, hỗ trợ khách hàng, các hợp đồng đại lý. Tư vấn cho khách hàng về sử dụng thiết bị bảo quản, kỹ thuật bán hàng, thông tin quảng cáo.

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về việc xây dựng kế hoạch mua sắm, cấp phát vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế, dụng cụ sản xuất; Quản lý các kho vật tư, nguyên liệu, bia thành phẩm; Tham mưu và làm các thủ tục pháp lý trong việc ký kết, giám sát, thực hiện, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế với các nhà cung cấp.

Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các báo cáo thống kê theo quy định và yêu cầu quản trị của Công ty.

**\* Phòng Tài chính-Kế toán:**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính-kế toán. Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm; Tổ chức công tác kế toán hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.

**\* Phòng Kỹ thuật-Công nghệ:**

Chịu trách nhiệm trong công tác tổ chức điều hành, thực hiện, kiểm tra, báo cáo kết quả công tác kỹ thuật-công nghệ, chất lượng sản phẩm, môi trường, ATVSTP, VSCN; Xây dựng các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, vật tư nguyên liệu; Kiểm tra chất lượng sản phẩm, vật tư, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất; Chủ trì và phối hợp các bộ phận liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng; Xây dựng, giám sát định mức kinh tế kỹ thuật, máy móc thiết bị, tài liệu công nghệ theo quy định của Công ty; Phối hợp nghiên cứu các giải pháp công nghệ, các thành tựu kỹ thuật tiên tiến vào hoạt động sản xuất, phát triển sản phẩm mới. Kết hợp với các bộ phận liên quan xây dựng và thực hiện nội dung chương trình đào tạo, tổ chức thi nâng bậc kỹ thuật cho công nhân hàng năm.

**\* Phân xưởng Nấu-Lên men:**

Tổ chức thực hiện sản xuất theo kế hoạch; Quản lý, kiểm soát chặt chẽ các quá trình sản xuất, thực hiện tốt các quy trình đã ban hành, bảo đảm ổn định chất lượng sản phẩm và thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng vật tư theo đúng Định mức kinh tế-kỹ thuật; Vận hành máy móc thiết bị đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả cao.

**\* Phân xưởng Chiết:**





theo đúng quy trình công nghệ; Quản lý vận hành hệ thống thiết bị, nhà xưởng và các thiết bị khác trong phạm vi quản lý theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả cao.

**\* Phân xưởng Động lực:**

Chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất và cung cấp hơi, cấp lạnh, khí nén, CO<sub>2</sub>, nước sạch, điện và các dịch vụ khác cho sản xuất. Quản lý hồ sơ lý lịch hệ thống máy móc thiết bị; Xây dựng và thực hiện kế hoạch duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị; Sửa chữa, khắc phục kịp thời những hỏng hóc, sự cố máy móc thiết bị; Dự trữ vật tư thay thế trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị; Thực hiện xử lý nước thải của quá trình sản xuất theo đúng quy trình công nghệ.

**\* Phân xưởng Tổng hợp:**

Thực hiện các công đoạn trong sản xuất các sản phẩm tự doanh: Chiết rót, hoàn thiện sản phẩm và nhập kho theo đúng quy trình công nghệ; Quản lý vận hành hệ thống thiết bị, nhà xưởng và các thiết bị khác trong phạm vi quản lý theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả cao.

**\* Các công ty con, công ty liên kết**

**+ Công ty con: Công ty TNHH 1 TV Thương mại Bia Quy Nhơn.**

-Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

-Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Bán buôn đồ uống...

-Vốn điều lệ thực góp: 23.036.081.821 đồng

-Tỷ lệ sở hữu: 100%

**+ Công ty liên kết: Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên**

-Địa chỉ: 396 Hùng Vương, Phường 7, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

-Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: In các sản phẩm trên giấy.

-Vốn điều lệ thực góp: 975.860.000 đồng

-Tỷ lệ sở hữu: 20,02%

**4. Định hướng phát triển**

**- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Hiện nay, hoạt động sản xuất kinh doanh chính mang lại doanh thu cho Công ty là sản phẩm bia các loại, bao gồm:

**+ Bia hợp tác sản xuất:**

- Bia chai Sài Gòn 355ml
- Bia chai Sài Gòn 450ml
- Bia chai Sài Gòn Lager 355ml
- Bia lon Sài Gòn Lager 330ml

**+ Bia tự sản xuất:**

- Bia chai Lowen Pils 330ml
- Bia chai Quy Nhơn 330ml
- Bia Hơi

+ Sản phẩm khác: Nước uống đóng chai: Serepok, Sapy; Rượu Serepok; Sữa bắp, gạo lứt.

Năng lực sản xuất kinh doanh chính của Công ty:

STT	Công suất Nhà máy	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Nhà máy Đak Lak	Triệu lít	70	70	70	70
2	Nhà máy Quy Nhơn	bia/năm	50	50	50	50



### **- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Công ty luôn bám sát định hướng do SABECO đề ra cũng như các đề án quy hoạch phát triển ngành của Bộ Công thương để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Định hướng những năm tiếp theo, sau khi khai thác hết công suất hiện tại của các nhà máy. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới nước giải khát và gia công các mặt hàng nước giải khát cho PepsiCo trong năm 2017.

### **- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

+ Về môi trường: Công ty tổ chức tốt việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về Luật bảo vệ môi trường cụ thể: 100% nước thải được xử lý theo quy định, chất thải nguy hại cũng được xử lý và được thu gom theo đúng qui định của pháp luật.

+ Về an toàn vệ sinh thực phẩm: Công ty thực hiện tốt các qui định của cơ quan chức năng về an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã xây dựng và duy trì Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008, Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.

+ Về xã hội và cộng đồng: Hàng năm Công ty đều dành nguồn kinh phí đáng kể để thực hiện công tác xã hội, từ thiện và cộng đồng như: Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, Quỹ nạn nhân chất độc da cam, Xây dựng nhà tình nghĩa, Ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương,...

### **5. Các rủi ro:**

- Rủi ro về sản lượng: Hiệu quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất lớn vào việc giao kế hoạch sản lượng cũng như việc nhận hàng của Tổng Công ty SABECO.

- Rủi ro về tài chính: Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

Năm 2017, tình hình kinh tế có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn rất khó khăn, thách thức. Tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp, các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn, sức mua của người dân thấp. Nhu cầu tiêu dùng hàng hóa nói chung ở trên thị trường bị suy giảm đáng kể, nhất là các mặt hàng không thiết yếu như rượu bia, đã ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của ngành bia nói chung và Công ty nói riêng.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực và năng động của tập thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty đã chủ động khai thác triệt để các nguồn lực có thể để giảm chi phí tăng hiệu quả kinh doanh đến mức cao nhất như: Tìm nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cả tốt nhất, tiết kiệm định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm định mức chi phí, đàm phán về lãi suất tiền gửi, tiền vay và tìm giá tốt cho các khoản đầu tư tài chính.v.v. Từ đó gia tăng thêm hiệu quả kinh doanh. Cụ thể Lợi nhuận trước thuế năm 2017 Công ty đạt 160 tỷ đồng/126,6 tỷ đồng theo kế hoạch. Đây là một sự cố gắng rất lớn đáng được ghi nhận của Công ty trong năm 2017.

#### **- Tình hình thực hiện SXKD so với kế hoạch:**



		IS kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH/KH	
<b>1</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>Tr.lít</b>	<b>181,70</b>	<b>185,91</b>	<b>102,32</b>
	<i>Bia Sài Gòn</i>	Tr.lít	121,0	120,46	99,56
	<i>Bia khác</i>	Tr.lít	48,20	54,62	113,32
	<i>Nước uống đóng chai</i>	Tr.lít	9,50	8,77	92,28
	<i>Gia công NGK Pepsi</i>	Tr.lít	3,0	2,06	68,80
<b>2</b>	<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1.049,8</b>	<b>1.164,6</b>	<b>110,9</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>126,60</b>	<b>160,00</b>	<b>126,38</b>
<b>4</b>	<b>Nộp Ngân sách</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>937,44</b>	<b>954,13</b>	<b>101,78</b>
<b>5</b>	<b>Cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>25</b>	<b>30</b>	<b>120,00</b>

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành Công ty, Giám đốc Chi nhánh:

#### a. Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 30/01/1962  
 Nơi sinh : Quảng Ngãi  
 Số CMND : 240007292  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Quảng Ngãi  
 Địa chỉ thường trú : 250/4 Phan Chu Trinh, Buôn Mê Thuột, Đak Lak  
 Điện thoại liên lạc : 0500 877456  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa thực phẩm, Cử nhân tiếng Anh

#### Quá trình công tác:

\* Từ 4/1989-8/1992 : Trưởng P. Kiểm nghiệm hàng hóa XNK Inexim Đak Lak.

\* Từ 8/1992-12/1995 : Phó trưởng Xưởng Chế biến-Kho vận Inexim Đak Lak.

\* Từ 12/1995-2/2005 : Phó Giám đốc Inexim Đak Lak.

\* Từ 2/2005-9/2008 : Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn-Đak Lak.

\* Từ 10/2008-11/2013: GD CN CTCP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại Đak Lak.

\* Từ 12/2013-nay : Tổng Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 347.305 cổ phần.

#### b. Ông Võ Thành Điền – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 12/04/1966  
 Nơi sinh : Vạn Ninh – Khánh Hòa  
 Số CMND : 240460061  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Vạn Ninh – Khánh Hòa  
 Địa chỉ thường trú : 282 Ngô Quyền, TP. Buôn Ma Thuột, ĐakLak  
 Điện thoại liên lạc : 0913 437 110  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế



- \* Từ tháng 6/1993 đến tháng 7/1994: Phó Phòng Đầu tư và Công nợ, Công ty Đầu tư XNK ĐakLak.
- \* Từ tháng 7/1994 đến tháng 6/2002: Giám đốc Chi nhánh Công ty Đầu tư XNK ĐakLak tại Huyện Krông Năng, KrongBuk, Chư Sê.
- \* Từ tháng 6/2002 đến tháng 5/2007: Phó phòng, Phụ trách phòng Kế hoạch Nghiệp vụ, Công ty Đầu tư XNK ĐakLak.
- \* Từ tháng 7/2007 đến 12/2007: Phụ trách Phòng Kinh doanh, Công ty CP Bia Sài Gòn - ĐakLak.
- \* Từ tháng 1/2008 đến tháng 9/2009: Trưởng Phòng Kế hoạch-Kinh doanh, Công ty CP Bia Sài Gòn – ĐakLak.
- \* Từ tháng 10/2009 đến tháng 12/2013: Trưởng Phòng Kế hoạch-Kinh doanh, Chi nhánh Công ty CP bia Sài Gòn Miền Trung tại ĐakLak.
- \* Từ tháng 1/2014 đến tháng 11/2017: Giám đốc Kinh doanh kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch-Kinh doanh Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Trung.
- \* Từ tháng 12/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Trung.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 35.843 cổ phần.

**c. Ông Vũ Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc, kiêm Kế toán trưởng**

Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 13/08/1971  
 Nơi sinh : Buôn Ma Thuột  
 Số CMND : 240443077  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Nam Định  
 Địa chỉ thường trú : 303 Y Ngông, TP. Buôn Ma Thuột, ĐakLak  
 Điện thoại liên lạc : 0913487450  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử Nhân kinh tế, Cử nhân Luật  
 Quá trình công tác :

- \* Từ 10/1994 - 2/2005: Kế toán, Kế toán tổng hợp Công ty Đầu tư XNK ĐakLak.
- \* Từ 2/2005 - 3/2007: Phụ trách kế toán Công ty CP Bia Sài Gòn-ĐakLak.
- \* Từ 4/2007 - 10/2008: Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn-ĐakLak.
- \* Từ 10/2008 - 31/12/2013: Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền trung tại ĐakLak.
- \* Từ 01/01/2014 – 11/2017: Kế toán trưởng, kiêm Giám đốc Tài chính Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền trung.
- \* Từ 01/12/2017 - nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền trung.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 38.367 cổ phần

**d. Ông Nguyễn Hoàng Long – Giám đốc Chi nhánh Quy Nhơn**

Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 14/12/1962  
 Nơi sinh : Xã Ân Hảo, Huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định  
 Số CMND : 211435416

Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Ân Hảo, Huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú	: 16 Nguyễn Trung Ngạn, TP. Quy Nhơn, Bình Định
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
<u>Quá trình công tác</u>	:
* 1979	: Nhân viên Chi cục Kiểm lâm Nhân dân Nghĩa Bình.
* Từ 1979-1981	: Quân nhân, đóng quân tại Sân bay Đà Nẵng.
* Từ 1988-1993	: Nhân viên Công ty Xuất Nhập khẩu Nghĩa Bình.
* Từ 1996-2014	: Nhân viên, Phó Phòng, Trưởng P. KH-KD, Phó Giám đốc CN Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại Quy Nhơn.
* Từ 2014-11/2015	: Q.Giám đốc, Giám đốc CN Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại Quy Nhơn.
* Từ 11/2015-nay	: Giám đốc CN Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại Quy Nhơn.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 4.708 cổ phần.

**e. Ông Đặng Sanh Định – Giám đốc Chi nhánh Phú Yên**

Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 02/01/1973
Nơi sinh	: Xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Số CMND	: 220927828
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Địa chỉ thường trú	: 53 Nguyễn Thế Bảo, Phường 9, TP Tuy Hòa, Phú Yên
Điện thoại liên lạc	: 0913 477721
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Hóa thực phẩm

Quá trình công tác:

- \* 08/1997 - 05/1998 : Nhân viên Kỹ thuật Công ty Mía đường Tuy Hòa.
- \* 06/1998 - 04/2005 : Trưởng P. KT-CN Công ty LD doanh Bia Sài Gòn-Phú Yên
- \* 05/2005 - 09/2008 : Trưởng P. KT-CN Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Yên.
- \* 10/2008 – 10/2015: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung tại Phú Yên.
- \* 11/2015-12/2016: Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sài Gòn-Miền Trung tại Phú Yên.
- \* 01/01/2017-nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sài Gòn-Miền Trung tại Phú Yên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 9.702 cổ phần.

**2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành Công ty:**



### 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ **Tổng số lao động:** 478 người, trong đó: \* *Người quản lý:* 42  
\* *Người lao động:* 436

#### + **Chính sách đối với người lao động**

##### • **Chế độ làm việc:**

- **Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày; 06 ngày/tuần. Thời gian làm việc của các xưởng sản xuất trực tiếp được chia làm 03 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ SXKD thì CBCNV làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và có những chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

- **Nghỉ phép, Tết, lễ:** Người lao động được nghỉ lễ và nghỉ Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, nếu làm dưới 12 tháng thì số ngày nghỉ phép được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc, người lao động được cộng thêm 01 ngày nghỉ phép.

- **Nghỉ ốm, thai sản:** Người lao động khi ốm đau được khám bệnh và điều trị tại các cơ sở y tế và được hưởng trợ cấp theo quy định của Bảo hiểm xã hội.

- **Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

##### • **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

+ **Chính sách lương:** Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc từng người, khuyến khích CBCNV làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy SXKD của Công ty.

Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung đã xây dựng và ban hành Quy chế quản lý tiền lương và thu nhập trong Công ty. Mức thu nhập bình quân của CBCNV trong Công ty luôn được điều chỉnh để đảm bảo đời sống cho CBCNV đồng thời thu hút và giữ lao động cho Công ty. Lương bình quân của CBCNV trong Công ty như sau:

- Năm 2016: 8.400.000 đ/người/tháng.

- Năm 2017: 9.000.000 đ/người/tháng.

+ **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế được Công ty thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a. Các khoản đầu tư: Các Dự án đang triển khai:

##### + **Quy Nhơn:**

1. Đầu tư Kho khu B

2. Đầu tư hệ thống thiết bị khử khí nước pha bia công suất 50hl/h.

Và các hạng mục khác...



1. Đầu tư hạng mục công trình: Hệ thống nhà nấu sản xuất bia tự doanh tại Nhà máy bia Sài Gòn-Phú Yên.
2. Đầu tư kho chứa sản phẩm sapy kết hợp văn phòng làm việc của bộ phận sapy.  
Và các hạng mục khác...

**+ DakLak:**

1. **Phê duyệt Dự án đầu tư:** Hạng mục đầu tư dây chuyền chiết lon, chuyển đổi cơ cấu sản phẩm thuộc dự án: Đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn-DakLak lên 70 triệu lít/năm
2. Đầu tư Tank lên men, tank TBF thuộc dự án đầu tư nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak lên 70 triệu lít/năm.
3. Đầu tư Tank lên men, tank TBF đáp ứng yêu cầu sản xuất.  
Và các hạng mục khác...

**b. Các công ty con, công ty liên kết:**

1. Công ty con: Công ty TNHH 1TV TM Bia Quy Nhơn

+ Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Tài, Tp Quy Nhơn, Bình Định.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Bán buôn đồ uống...

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	%TH/KH
1	Tổng doanh thu	Đồng		82.189.755.512	
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng		1.101.254.983	
3	Lãi cơ bản/Cổ phiếu	Đồng			

2. Công ty liên kết: Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên.

+ Địa chỉ: 396 Hùng Vương, Phường 7, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: In các sản phẩm trên giấy.

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	%TH/KH
1	Tổng doanh thu	Đồng	20.500.000.000	21.901.733.467	106,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.000.000.000	1.398.731.766	139,8%
3	Lãi cơ bản/Cổ phiếu	Đồng	1.660	1.815	109,3%

**4. Tình hình tài chính**

**a. Tình hình tài chính:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	% TH17/TH16
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	646.65	758.52	117.30
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	820.41	1.122.13	136.78
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	105.63	135.44	128.22
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	24.92	24.57	98.61
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	130.54	160.01	122.57
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	103.68	127.26	122.75
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	25	30	120.00

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		

+	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.05	0.97
+	Hệ số thanh toán nhanh	0.43	0.30
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.31	0.37
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.45	0.59
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+	Vòng quay hàng tồn kho	5.44	6.95
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.27	1.48
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.13	0.11
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.23	0.27
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.16	0.17
+	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0.13	0.12

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 29.846.648 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần đang lưu hành: 29.846.648 cổ phiếu

### b. Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông của Công ty: Chốt tại ngày 01/12/2017

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	%/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>2.322.788</b>	<b>23.227.800.000</b>	<b>7,78</b>
<i>I</i>	Văn phòng Tỉnh uỷ Bình Định	719.848	7.198.480.000	2,40
<i>2</i>	Công ty TNHH 1 TV Xổ số kiến thiết Phú Yên	1.602.940	16.029.400.000	5,37
<b>II</b>	<b>Cổ đông trong và ngoài Công ty</b>	<b>29.846.648</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>100,00</b>
	<u>Tổ chức</u>	<u>17.771.244</u>	<u>177.712.440.000</u>	<u>59,54</u>
<i>A</i>	- Trong nước	16.183.793	161.837.930.000	54,223
	- Ngoài nước	1.587.271	15.872.710.000	5,31
	<u>Cá nhân</u>	<u>12.075.404</u>	<u>120.754.040.000</u>	<u>40,46</u>
<i>B</i>	- Trong nước	12.010.931	120.109.310.000	40,24
	- Ngoài nước	64.473	644.730.000	0,22

- Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (Tính đến 01/12/2017):

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số lượng cổ phần	% VĐL
1	Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn	06 Hai Bà Trưng, Q1, TP Hồ Chí Minh	41006000286	9.617.363	32,22
2	Công ty CPTM Địa Ốc Việt	68 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1	0305376818	3.745.550	12,54
3	Công ty TNHH 1 TV Xổ số Kiến thiết Phú Yên	204 Trần Hưng Đạo, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	101606	1.602.940	5,37
4	Capital Shine Limited	Suite 2302,23/F, Great	987123456	1.587.271	5,31

739  
IG  
PH  
ÀI  
TR  
HUC



	Road, Wanchai, Hồng Kông			
<b>Tổng cộng</b>			<b>16.553.124</b>	<b>55,44</b>

**- Cổ đông sáng lập:**

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số lượng cổ phần	% VĐL
1	Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn	06 Hai Bà Trưng, Q1, TP Hồ Chí Minh	41006000286	9.617.363	32,22
2	Trịnh Thị Tuyết Minh	125 Trần Quốc Thảo, Q3, TP Hồ Chí Minh	020521543	17.814	0,06
3	Nguyễn Đức Hào	375A/12 Nguyễn Trọng Tuyển, TP Hồ Chí Minh	BA 440640	22.530	0,75
	<b>Tổng cộng</b>			<b>9.657.707</b>	<b>33,03</b>

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Nguyên vật liệu, hóa chất	ĐVT	Khối lượng
1	Malt	Kg	17.082.793
2	Gạo	Kg	7.038.603
3	Houblon	Kg	8.983
4	NaOH	Kg	683.937
5	Axít	Kg	163.443
6	Điện	Kwh	20.559.516
7	Nước	m <sup>3</sup>	950.645
8	Hơi	Tấn	80.362

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

**6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

+ Điện năng: 20,559,516 Kwh.

+ Hơi: 75.346 tấn.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

+ Điện năng: 124.502,4 Kwh

+ Hơi: 2,864 tấn.

c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng, hơi:

Giải pháp tiết kiệm điện khi thay 32 bóng đèn cao áp (400W) bằng bóng đèn cao áp Led (160W) tiết kiệm 33,638.40 Kwh trong năm. Cải tiến quy trình nấu bia Qui Nhon tiết kiệm 90.684 Kwh, 2,864 tấn hơi



a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

+ Nguồn nước thành phố: Tổng lượng nước sử dụng/năm: 698.900 m<sup>3</sup>.

+ Nguồn nước ngầm: Tổng lượng nước sử dụng/năm: 251.745 m<sup>3</sup>.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a1. Số lượng lao động: 478.

a2. Mức lương trung bình: - Năm 2016: 8.400.000 đ/người/tháng.

- Năm 2017: 9.000.000 đ/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty tuân thủ các điều kiện về lao động để người lao động làm việc trong điều kiện lao động thuận lợi đảm bảo tuân thủ theo môi trường lao động. Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động nhằm kịp thời phát hiện các bệnh nghề nghiệp ...

Thực hiện trang bị bảo hộ lao động đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc, số tiền mua trang bị bảo hộ và phụ cấp độc hại 2,5 tỷ đồng; hệ thống máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn định kỳ đều được kiểm định theo quy định...

Hàng năm Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức thăm quan, du lịch, nghỉ dưỡng trong và ngoài nước, đặc biệt quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho lao động nữ trong lao động sản xuất và các hoạt động khác, lao động nữ sinh con được nghỉ 60 phút/ca làm việc cho đến lúc con được 2 tuổi...

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Hàng năm người lao động đều được đào tạo về công tác chuyên môn, công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; trường hợp lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại... được tập huấn cấp Giấy chứng nhận và định kỳ hàng năm được huấn luyện lại ít nhất là 8 giờ/1 lao động.

Ngoài ra nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, hàng năm Công ty cử cán bộ đi tập huấn đào tạo như: Tổ chức đào tạo, huấn luyện an toàn hóa chất cho nhóm 1 và nhóm 5, an toàn bức xạ trong công nghiệp, xử lý nước thải...

Tham gia khóa học Brewing lần 5 tại Quy Nhơn, khóa đào tạo Brewmaster khóa 2017-2018, kỹ năng bán hàng hiệu quả theo 6C...

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Hàng năm người sử dụng lao động căn cứ vào yêu cầu nghiệp vụ và đối tượng lao động có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động nhằm đảm bảo cho người lao động có đủ khả năng thực hiện công việc được giao. Toàn bộ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo kế hoạch do người sử dụng lao động chi trả.

Trường hợp người lao động nếu có nhu cầu học thêm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngoài kế hoạch của Công ty, sẽ được người sử dụng lao động xem xét quyết định trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và không để ảnh hưởng đến sản xuất. Khi người lao động được đồng ý cho đi học tập, đào tạo ngoài kế hoạch của Công ty thì toàn



khi học xong chất lượng học tập đạt kết quả, đáp ứng được nhu cầu công việc tại Công ty thì người sử dụng lao động sẽ xem xét hỗ trợ một phần kinh phí mà người lao động đã bỏ ra trong thời gian học tập hoặc bố trí công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

#### 6.6. Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Vận động người lao động trong toàn Công ty tham gia ủng hộ công tác xã hội gần 1 tỷ đồng.

Thực hiện công tác kết nghĩa với các Buôn người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn. Nhà máy Đaklak kết nghĩa với Buôn Yao, xã Ea Tu, huyện Cư M'gar; Nhà máy Phú Yên kết nghĩa với xã EaBar, huyện Sông Hinh; Hai đơn vị tham gia kết nghĩa đã thực hiện tốt chức năng của mình được bà con và chính quyền nơi kết nghĩa đánh giá cao.

Ngoài ra, Công ty còn đảm nhận phụng dưỡng suốt đời 01 Mẹ Việt Nam anh hùng tại xã Ea Pôc – Huyện Cư Mgar, DakLak.

#### 6.7. Hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh: Không.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1	Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ (DV)	1,123,981,254,450	821,540,375,454
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1,850,970,410	1,133,942,729
3	Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	1,122,130,284,040	820,406,432,725
4	Giá vốn hàng bán	886,394,826,114	615,023,499,472
5	Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	235,735,457,926	205,382,933,253
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7,538,116,778	389,018,995
7	Chi phí tài chính	3,948,082,603	5,622,718,220
8	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	3,948,082,603	5,622,596,875
9	Chi phí bán hàng	38,626,192,284	35,013,926,093
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	65,261,889,962	59,507,370,295
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	135,437,409,855	105,627,937,640
12	Thu nhập khác	34,927,319,247	31,583,364,274
13	Chi phí khác	10,357,246,233	6,666,321,822
14	Lợi nhuận khác	24,570,073,014	24,917,042,452
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	160,007,482,869	130,544,980,092
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	127,258,970,333	103,677,160,122
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4,264	2,771

#### + Những yếu tố khó khăn và thuận lợi:

\* **Thuận lợi:** Được sự quan tâm chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự hỗ trợ giúp đỡ của Tổng Công ty CP Bia Rượu-NGK Sài Gòn, và các ngành, các cấp địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKD của Công ty.

\* **Khó khăn:** Năm 2017, tình hình kinh tế thế giới vẫn còn rất khó khăn và diễn biến phức tạp, đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế trong nước và tác động trực tiếp đến doanh nghiệp. Tình hình cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh bia diễn ra gay gắt, giá xăng dầu, chi phí vận chuyển tuy có giảm nhưng giá điện, nước, chi phí nhân công tăng

**2. Tình hình tài chính:****a. Tình hình tài sản:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2016
<b>1</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.000 đồng</b>	758,517,050	646,647,521
1.1	Tài sản ngắn hạn	1.000 đồng	205,721,005	189,044,755
1.2	Tài sản dài hạn	1.000 đồng	552,796,045	457,602,766

**b. Tình hình nợ phải trả:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2016
<b>1</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.000 đồng</b>	281,289,457	201,085,901
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.000 đồng</b>	477,227,593	445,561,619
	Vốn cổ phần	1.000 đồng	298,466,480	298,466,480

Việc quản lý nợ phải thu, phải trả: Công ty luôn theo dõi chi tiết công nợ phải thu, tăng cường thu hồi nợ để thu hồi vốn. Công nợ phải trả cũng theo dõi chi tiết và thanh toán đúng hoặc kéo dài thời gian thanh toán. Công ty chấp hành định mức công nợ của SABECO.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục rà soát, đánh giá và sắp xếp bố trí lại lao động, nhằm sử dụng hiệu quả nhất nguồn nhân lực hiện có.

Công ty duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống Quản lý Chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008, Hệ thống Quản lý Môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14001:2004, Hệ thống Quản lý An toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn ISO 22000:2005, áp dụng thống nhất trong toàn Công ty theo quy định của Tổng Công ty.

Thực hiện các biện pháp nâng cao đời sống người lao động cả về vật chất lẫn tinh thần. Giữ vững và phát triển đội ngũ kỹ thuật và chuyên môn, tạo động lực cho người lao động phần đầu hoàn thành tốt công việc được giao và gắn bó lâu dài với Công ty.

**4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới:**

Bước sang năm 2018, với những tín hiệu khả quan về nền kinh tế đang hồi phục, phát huy những thành quả đã đạt được trong những năm qua, với sự quyết tâm, lòng nhiệt huyết, đồng tâm hợp lực, đoàn kết của toàn thể CB-CNV Công ty, hy vọng Công ty sẽ tiếp tục hoàn thành tốt kế hoạch đề ra, ngày càng phát triển vững mạnh, vị trí ngày càng được khẳng định trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất Bia Sài Gòn năm 2018 của Tổng Công ty CP Bia Rượu-NGK Sài Gòn và dự báo tình hình tiêu thụ các sản phẩm bia tự doanh, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ năm 2018 như sau:

**\* Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh:**

TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	%KH 2017/ TH2018
<b>I</b>	<b>Sản lượng SX&amp;TT</b>	<b>Tr.lít</b>	<b>186,0</b>	<b>209,3</b>	<b>109,1</b>
<b>1</b>	<b>Bia Các loại</b>	<b>Tr.lít</b>	<b>174,5</b>	<b>199,3</b>	<b>109,6</b>
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	120,3	141,8	109,8



TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	2017/ TH2018
	+ Bia lon Lager 330	Tr.lít	35,6	37,5	105,3
	+ Bia SG 450	Tr.lít	48,2	53,4	110,7
	+ Bia SG Lager 355	Tr.lít	19,0	28,6	150,5
	+ Bia SG 355	Tr.lít	17,6	20,7	117,6
1.2	Bia khác	Tr.lít	54,1	57,5	106,2
	+ Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	1,11	1,5	136,3
	+ Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	36,0	37,5	104,2
	+ Bia Hoi	Tr.lít	17,0	18,5	108,8
2	<b>Nước uống đóng chai</b>	<b>Tr.lít</b>	<b>9,5</b>	<b>10,0</b>	<b>111,1</b>
II	<b>Tổng Doanh Thu</b>	<b>Tỷ.đ</b>	<b>1.049,8</b>		
III	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ.đ</b>	<b>126,0</b>		
IV	<b>Nộp Ngân sách</b>	<b>Tỷ.đ</b>	<b>937,4</b>		

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán: *Không*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội:

a. *Về tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải:* Hàng năm Công ty xây dựng Định mức kinh tế-kỹ thuật nguyên nhiên vật liệu đầu vào trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt để thực hiện; Trang bị công cụ đo đếm, định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện. Đối với lượng phát thải được Công ty kiểm soát thông qua Hệ thống Quản lý Môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14001:2004.

b. *Về người lao động:* Với những chính sách Công ty đã thực hiện (nêu ở Mục II.6.5), người lao động Công ty hài lòng, thể hiện sự gắn bó lâu dài với Công ty thông qua kết quả SXKD đạt được như đã đề cập ở những phần trên.

c. *Về trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:* Công ty luôn thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, tích cực thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua các chương trình xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, đóng góp các quỹ vì người nghèo, quỹ nạn nhân chất độc da cam, xây dựng nhà tình nghĩa,...

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2017 hoạt động SXKD của Công ty có một số yếu tố thuận lợi giúp đạt được kế hoạch lợi nhuận đó là: Sản lượng nhận hàng của SABECO đạt kế hoạch đã giao, tỷ giá và lãi suất ngân hàng ổn định, giá nguyên vật liệu giảm ổn định. Tuy nhiên năm 2017 vẫn là năm có nhiều khó khăn, sức mua tiêu dùng của người dân sụt giảm, việc chuyển dịch xu hướng tiêu dùng từ bia chai sang bia lon cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Việc gia công sản xuất các sản phẩm Nước ngọt Pepsi giúp khai thác công suất máy móc thiết bị và các dịch vụ kho hàng; Sản phẩm Nước tinh khiết cũng góp phần tạo việc làm, thu nhập và lợi nhuận cho Công ty. Bằng chính sách bán hàng hợp lý, sản phẩm Bia

tạp thể Ban điều hành và người lao động Công ty.

Song song với nhiệm vụ SXKD, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành Công ty tiếp tục quan tâm làm tốt công tác xã hội, từ thiện, chung tay cùng cộng đồng thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây; Đảm bảo môi trường, cảnh quang luôn xanh, sạch, đẹp để góp phần phát triển bền vững. Chi tiết như trình bày ở Mục II.6.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:

Việc đánh giá, giám sát hoạt động đối với Ban điều hành Công ty đã được Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

Trên cơ sở các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện theo đúng phân cấp phân quyền. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, chủ động báo cáo Hội đồng quản trị cho ý kiến để thực hiện.

Nhìn chung, trong năm 2017 Ban điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực cố gắng hoàn thành các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, Công ty sẽ thực hiện tốt chế độ công bố thông tin, đảm bảo tính công khai và minh bạch theo đúng quy định.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch HĐQT	9.203	0,03
2	Huỳnh Văn Dũng	Ủy viên HĐQT-Tổng Giám đốc	347.305	1,16
3	Nguyễn Bích Đạt	Ủy viên HĐQT	0	0
4	Nguyễn Thị Phước	Ủy viên HĐQT	0	0
5	Nguyễn Thị Thùy Linh	Ủy viên HĐQT	0	0

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty hoạt động thống nhất, không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 4 phiên họp trực tiếp và 09 lần họp bằng hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, ban hành 14 Nghị quyết và 55 Quyết định để chỉ đạo hoạt động của Công ty liên quan đến công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017; Công tác tổ chức, nhân sự Công ty, ban hành Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đơn giá tiền lương, thực hiện các dự án đầu tư,...

- Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán An Phú làm đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 với tỉ lệ 25% cho cổ đông Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung theo tinh thần Nghị quyết Đại hội cổ đông đã thông qua.



**Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017:**

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/ NQ-HĐQT	07/01/ 2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả SXKD 2016 và kế hoạch 2017.</li> <li>- Thống nhất quỹ lương năm 2017 và hình thức trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, BKS; phân phối lợi nhuận năm 2017 và trích thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận.</li> <li>- Thống nhất phương án mua EURO kỳ hạn để thanh toán cho Nhà thầu Krones và tiến độ của dự án dây chuyền chiết lon 33.000 lon/h.</li> <li>- Thông qua định mức kinh tế-kỹ thuật Công ty năm 2017.</li> <li>- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2017.</li> </ul>
2	02/2017/ NQ-HĐQT	07/01/ 2017	Trích Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 07/01/2017 về việc Đầu tư hạng mục công trình: Hệ thống nhà nấu sản xuất bia tự doanh tại Nhà máy bia Sài Gòn-Phú Yên.
3	03/2017/ NQ-HĐQT	07/01/ 2017	Trích Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 07/01/2017 về thuê thêm diện tích 02 ha đất tại Chi nhánh Quy Nhơn.
4	04/2017/ NQ-HĐQT	04/03/ 2017	Đề cử nhân sự tiếp tục đại diện phần vốn và tham gia vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên.
5	05/2017/ NQ-HĐQT	17/03/ 2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017.</li> <li>- Thống nhất thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội, tài liệu Đại hội và dự kiến kinh phí ĐHCĐ.</li> <li>- Thống nhất thông qua việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức cấp Chi nhánh sáp nhập Phòng Tổ chức – Hành chính và Phòng Kế hoạch – Kinh doanh thành Phòng Tổng hợp.</li> <li>- Thống nhất theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty, để triển khai hợp lý về mặt thời gian các Báo cáo Kinh tế kỹ thuật, Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt thành lập: <ul style="list-style-type: none"> <li>*Ban quản lý dự án.</li> <li>*Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật/Dự án đầu tư và Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành trực thuộc Hội đồng quản trị.</li> </ul> </li> </ul>
6	06/2017/ NQ-HĐQT	25/04/ 2017	Thống nhất cho phép Công ty vay vốn dài hạn ngân hàng Vietcombank để tài trợ cho các tài sản đang và đã đầu tư với số tiền vay không vượt quá 40 tỷ đồng.
7	07/2017/ NQ-HĐQT	18/05/ 2017	- Phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung.
8	08/2017/ NQ-HĐQT	18/05/ 2017	Thống nhất phê duyệt Dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Đầu tư tank lên men – Tank TBF tại Nhà máy bia Sài Gòn – DakLak, thuộc Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn-DakLak lên 70 triệu lít/năm.



	Quyết định	Ngày	Nội dung
9	09/2017/ NQ-HĐQT	23/07/ 2017	Thông nhất phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX). Phê duyệt Công ty CP Chứng khoán FPT là đơn vị tư vấn việc chuyển đăng ký giao dịch.
10	10/2017/ NQ-HĐQT	25/08/ 2017	Thông qua Phương án nhận chuyển nhượng quyền được thuê toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Giày An Phú theo Tờ trình số 246/TTr-CT ngày 12/08/2017 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung.
11	11/2017/ NQ-HĐQT	04/09/ 2017	Thông qua phương án thành lập Công ty TNHH một thành viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn.
12	12/2017/ NQ-HĐQT	23/10/ 2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông nhất thông qua kết quả SXKD 9 tháng năm 2017 và Kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2017.</li> <li>- Phê duyệt cho Công ty vay vốn dài hạn Ngân hàng Vietcombank (VCB) để tài trợ cho các tài sản đã và đang đầu tư với số tiền không vượt quá 52,625 tỷ đồng.</li> <li>- Thông qua phương án tham gia góp vốn để thành lập Công ty liên kết theo Tờ trình số: 303/TTr-CT ngày 16/10/2017.</li> <li>- Thống nhất sửa đổi Quy chế làm việc của HĐQT và Ban điều hành như bản dự thảo kèm theo Tờ trình 302/TTr-CT ngày 16/10/2017.</li> <li>- Thống nhất trích chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017 để chi bổ sung cho Ban điều hành Công ty 3 tháng lương trong năm 2017.</li> </ul>
13	13/2017/ NQ-HĐQT	24/11/ 2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung.</li> <li>- Phê duyệt giao TGD bổ nhiệm bà Huỳnh Thị Kim Chi, giữ chức vụ Phó Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn-Daklak.</li> <li>- Phê duyệt và giao cho Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ Bia Quy Nhơn ra quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Tuyên, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ Bia Quy Nhơn.</li> <li>- Phê duyệt và giao cho Tổng Giám đốc Công ty ra các quyết định tái bổ nhiệm.</li> </ul>
14	14/2017/ NQ-HĐQT	25/11/ 2017	Thông nhất phê duyệt Dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Đầu tư tank lên men-Tank TBF tại Nhà máy bia Sài Gòn-DakLak, đáp ứng yêu cầu sản xuất.
15	01/2017/ QĐ-HĐQT	10/01/ 2017	Phê duyệt mức lương Ban điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.
16	02/2017/ QĐ-HĐQT	10/01/ 2017	Phê duyệt Định mức kinh tế - kỹ thuật năm 2017 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.
17	03/2017/ QĐ-HĐQT	11/01/ 2017	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Công trình: Nhà kho cho thuê



STT	Quyết định	Ngày	Nội dung
18	03/2017/ QĐ-HĐQT	11/01/ 2017	Phê duyệt Dự án đầu tư: Hạng mục đầu tư dây chuyền chiết lon, chuyển đổi cơ cấu sản phẩm thuộc dự án: Đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn-DakLak lên 70 triệu lít/năm
19	04/2017/ QĐ-HĐQT	07/01/ 2017	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
20	05/2017/ QĐ-HĐQT	17/01/ 2017	Phê duyệt tiền lương Tổng Giám đốc Công ty.
21	06/2017/ QĐ-HĐQT	17/01/ 2017	Phê duyệt tiền lương Giám đốc kinh doanh Công ty.
22	07/2017/ QĐ-HĐQT	17/01/ 2017	Phê duyệt tiền lương Giám đốc tài chính Công ty.
23	08/2017/ QĐ-HĐQT	17/01/ 2017	Phê duyệt tiền lương Giám đốc Chi nhánh Quy Nhơn.
24	09/2017/ QĐ-HĐQT	17/01/ 2017	Phê duyệt tiền lương Giám đốc Chi nhánh Phú Yên.
25	10/2017/ QĐ-HĐQT	17/02/ 2017	Phân cấp phê duyệt các văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện Hạng mục công trình: Hệ thống nhà Nấu sản xuất Bia tự doanh tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên
26	11/2017/ QĐ-HĐQT	17/02/ 2017	Phê duyệt Báo cáo KTKT Hạng mục công trình: Hệ thống nhà Nấu sản xuất Bia tự doanh tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên
27	12/2017/ QĐ-HĐQT	06/03/ 2017	Đề cử thành viên HĐQT, BKS Công ty CP In-Thương mại Phú Yên.
28	13/2017/ QĐ-HĐQT	08/04/ 2017	Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.
29	14/2017/ QĐ-HĐQT	11/04/ 2017	Thành lập Tổ thẩm định Hạng mục công trình: Kho khu B tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Quy Nhơn.
30	15/2017/ QĐ-HĐQT	11/04/ 2017	Thành lập Ban quản lý dự án Hạng mục công trình: Kho khu B tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Quy Nhơn.
31	16/2017/ QĐ-HĐQT	12/04/ 2017	Thành lập Tổ thẩm định Hạng mục công trình: Hệ thống máy lạnh công suất 400 KW tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Phú Yên.
32	17/2017/ QĐ-HĐQT	14/04/ 2017	Thành lập Tổ thẩm định Hạng mục công trình: Hệ thống máy lạnh công suất 400 KW tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Phú Yên
33	18/2017/ QĐ-HĐQT	14/04/ 2017	Phân cấp phê duyệt các văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện Hạng mục công trình: Hệ thống máy lạnh công suất 400 KW tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Phú Yên.
34	19/2017/ QĐ-HĐQT	22/04/ 2017	Thành lập Tổ thẩm định dự án Dự án đầu tư: Hạng mục tank lên men - tank TBF tại Nhà Bia Sài Gòn – DakLak thuộc dự án đầu tư nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak lên 70 triệu lít/năm.
35	20/2017/ QĐ-HĐQT	22/04/ 2017	Thành lập Ban quản lý dự án Dự án đầu tư: Hạng mục tank lên men - tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak, thuộc dự án: Đầu tư nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak lên 70 triệu lít/năm.



STT	Quyết định	Ngày	Nội dung
36	21/2017/ QĐ-HĐQT	21/04/ 2017	Phân cấp phê duyệt các văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện Công trình: Kho khu B tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Quy Nhơn.
37	22/2017/ QĐ-HĐQT	22/04/ 2017	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Kho Khu B tại Nhà máy Bia Sài Gòn-Quy Nhơn.
38	23/2017/ QĐ-HĐQT	11/05/ 2017	Thành lập Ban quản lý dự án Hạng mục công trình: Đầu tư hệ thống thiết bị khử khí nước pha bia công suất 50hl/h tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Quy Nhơn
39	24/2017/ QĐ-HĐQT	11/05/ 2017	Thành lập Tổ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục công trình: Đầu tư hệ thống thiết bị khử khí nước pha bia công suất 50hl/h tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Quy Nhơn.
40	25/2017/ QĐ-HĐQT	18/05/ 2017	Phê duyệt Dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Đầu tư tank lên men - Tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak, thuộc dự án: Đầu tư nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak lên 70 triệu lít/năm.
41	26/2017/ QĐ-HĐQT	18/05/ 2017	Phân cấp, ủy quyền phê duyệt văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư, Hạng mục: Đầu tư tank lên men – Tank TBF tại Nhà máy bia Sài Gòn - DakLak, thuộc dự án: Đầu tư nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak lên 70 triệu lít/năm.
42	27/2017/ QĐ-HĐQT	19/05/ 2017	Phê duyệt chỉ định thầu Nhà thầu thi công lắp đặt Gói thầu số 1: “Thiết kế, cung cấp, lắp đặt Tank Lên men, Tank TBF” Hạng mục: Đầu tư tank lên men – Tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Daklak, thuộc Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn- Daklak lên 70 triệu lít/năm
43	28/2017/ QĐ-HĐQT	22/05/ 2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu chỉ định thầu rút gọn và nội dung chính của hợp đồng Gói thầu số 1: “Thiết kế, cung cấp, lắp đặt Tank Lên men, Tank TBF” Hạng mục: Đầu tư tank lên men – Tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Daklak, thuộc Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất thiết kế Nhà máy Bia Sài Gòn- Daklak lên 70 triệu lít/năm.
44	29/2017/ QĐ-HĐQT	22/05/ 2017	Phê duyệt phương án tiền lương theo doanh thu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.
45	30/2017/ QĐ-HĐQT	30/05/ 2017	Phê duyệt Báo cáo KTKT và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục đầu tư hệ thống thiết bị khử khí nước pha bia công suất 50hl/h tại Nhà máy bia Sài Gòn-Quy Nhơn.
46	31/2017/ QĐ-HĐQT	30/05/ 2017	Phê duyệt phân cấp ủy quyền phê duyệt các văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện dự án Hạng mục đầu tư hệ thống thiết bị khử khí nước pha bia công suất 50hl/h tại Nhà máy bia Sài Gòn-Quy Nhơn.



STT	Quyết định	Ngày	Nội dung
47	32/2017/ QĐ-HĐQT	23/06/ 2017	Phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Hạng mục: Nhà kho Nguyên vật liệu tại Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak
48	33/2017/ QĐ-HĐQT	31/07/ 2017	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
49	34/2017/ QĐ-HĐQT	15/09/ 2017	Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty TNHH một thành viên Thương mại -Dịch vụ Bia Quy Nhơn.
50	35/2017/ QĐ-HĐQT	15/09/ 2017	Bổ nhiệm Đại diện theo ủy quyền tại Công ty TNHH một thành viên Thương mại -Dịch vụ Bia Quy Nhơn
51	36/2017/ QĐ-HĐQT	15/09/ 2017	Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Thương mại-Dịch vụ Bia Quy Nhơn.
52	37/2017/ QĐ-HĐQT	15/09/ 2017	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Thương mại-Dịch vụ Bia Quy Nhơn.
53	38/2017/ QĐ-HĐQT	15/09/ 2017	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Thương mại -Dịch vụ Bia Quy Nhơn.
54	39/2017/ QĐ-HĐQT	26/10/ 2017	Phê duyệt vay vốn cố định.
55	40/2017/ QĐ-HĐQT	27/10/ 2017	Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.
56	41/2017/ QĐ-HĐQT	27/10/ 2017	Ban hành Quy chế làm việc của Ban điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.
57	42/2017/ QĐ-HĐQT	28/10/ 2017	Trích bổ sung lương 2017 thưởng cho Ban điều hành.
58	43/2017/ QĐ-HĐQT	28/10/ 2017	Mức thù lao và quyền lợi khác cho các chức danh quản lý kiêm nhiệm tại Công ty TNHH một thành viên Thương mại-Dịch vụ Bia Quy Nhơn.
59	46/2017/ QĐ-HĐQT	07/11/ 2017	Thành lập Tổ thẩm định dự án Dự án đầu tư: Hạng mục tank lên men - tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak đáp ứng yêu cầu sản xuất.
60	47/2017/ QĐ-HĐQT	07/11/ 2017	Thành lập Ban quản lý dự án Dự án đầu tư: Hạng mục tank lên men - tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – DakLak đáp ứng yêu cầu sản xuất.
61	48/2017/ QĐ-HĐQT	24/11/ 2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.
62	49/2017/ QĐ-HĐQT	24/11/ 2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung.
63	50/2017/ QĐ-HĐQT	25/11/ 2017	Phê duyệt Dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Đầu tư tank lên men - tank TBF tại Nhà máy Bia Sài

STT	Quyết định	Ngày	Nội dung
			Gòn-DakLak đáp ứng yêu cầu sản xuất.
64	51/2017/ QĐ-HĐQT	25/11/ 2017	Phân cấp, ủy quyền phê duyệt văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư, Hạng mục: Tank lên men - tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn - DakLak đáp ứng yêu cầu sản xuất.
65	52/2017/ QĐ-HĐQT	26/11/ 2017	Phê duyệt Nhà thầu nhận hồ sơ chỉ định thầu Gói thầu số 1: “Thiết kế, cung cấp, lắp đặt Tank Lên men, Tank TBF” Hạng mục: Đầu tư tank lên men – Tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Daklak đáp ứng yêu cầu sản xuất.
66	53/2017/ QĐ-HĐQT	05/12/ 2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu chỉ định thầu rút gọn và nội dung chính của hợp đồng Gói thầu số 1: “Thiết kế, cung cấp, lắp đặt Tank Lên men, Tank TBF” Hạng mục: Đầu tư tank lên men – Tank TBF tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Daklak đáp ứng yêu cầu sản xuất.
67	55/2017/ QĐ-HĐQT	13/12/ 2017	Phê duyệt tiền lương của Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung.
68	56/2017/ QĐ-HĐQT	13/12/ 2017	Phê duyệt tiền lương của Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung.
69	57/2017/ QĐ-HĐQT	13/12/ 2017	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hạng mục công trình: 02 Silo malt 100 tấn/silo tại Nhà máy bia Sài Gòn-Phú Yên.

**d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty tùy theo tình hình thực tế phân công công việc thực hiện cho từng thành viên.

**e. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty và tham gia các chương trình quản trị Công ty:** Các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về quản trị tại đơn vị chủ quản.

## 2. Ban kiểm soát

### a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Dũng	Trưởng BKS	0	0
2	Bùi Quang Đáng	Ủy viên BKS	0	0
3	Trịnh Văn Thảo	Ủy viên BKS	0	0

### b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thực hiện kiểm soát định kỳ: Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 lần kiểm tra xem xét tình hình sản xuất kinh doanh đơn vị. Qua các lần kiểm tra Ban kiểm soát đều có những nhận xét kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành (kèm theo các Biên bản họp của Ban kiểm soát).

- Thực hiện kiểm soát thường xuyên: Thông qua các báo cáo của Ban điều hành, nghị quyết Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã tham gia góp ý kiến, kiến nghị đề xuất bằng



kinh doanh của Công ty.

**\* Nội dung các Biên bản họp của Ban kiểm soát trong năm 2017:**

STT	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2017/ BB-BKS	02/03/ 2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.</li> <li>- Tra soát kế hoạch SXKD năm 2017 dự kiến báo cáo hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt năm 2017.</li> <li>- Ý kiến về hoạt động quản trị điều hành của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong năm 2016 thông qua việc thực hiện các nghị quyết và quyết định của ĐHCĐ và HĐQT.</li> <li>- Đánh giá hoạt động của BKS năm 2016 và phương hướng hoạt động của năm 2017.</li> </ul>
2	02/2017/ BB-BKS	03/08/ 2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; công tác chỉ đạo, điều hành các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Quy Nhơn qua 06 tháng đầu năm 2017.</li> <li>- Kiểm tra chứng từ, sổ sách và công tác hạch toán kế toán tại Chi nhánh Quy Nhơn; các hợp đồng kinh tế đang thực hiện và số liệu kế toán 06 tháng đầu năm 2017.</li> <li>- Kiểm tra các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh qua 06 tháng đầu năm 2017 (<i>Chủ yếu xem xét các yếu tố sản lượng, doanh thu và chi phí ảnh hưởng đến lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2017</i>).</li> </ul>
3	03/2017/ BB-BKS	17/11/ 2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Công tác chỉ đạo, điều hành các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Phú Yên qua 10 tháng đầu năm 2017.</li> <li>- Kiểm tra chứng từ, sổ sách và công tác hạch toán kế toán tại Chi nhánh; các hợp đồng kinh tế đang thực hiện và số liệu kế toán 10 tháng đầu năm 2017.</li> <li>- Kết quả hoạt động kinh doanh 10 tháng năm 2017 của Chi nhánh (<i>Chủ yếu xem xét các yếu tố sản lượng, doanh thu và các chi phí ảnh hưởng đến lợi nhuận 10 tháng năm 2017 tại Chi nhánh Phú Yên</i>).</li> <li>- Kiểm tra tình hình Công nợ, quản lý và sử dụng tài sản, công tác đầu tư xây dựng cơ bản của Chi nhánh và các nội dung khác có liên quan.</li> </ul>

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát:**

**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao 2017 (đồng)	Lương 2017 (Đồng)	Thưởng 2017 (Đồng)
I	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch	120.000.000	0	200.000.000

2	Huỳnh Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	84.000.000	0	100.000.000
3	Nguyễn Thị Phước	Ủy viên HĐQT	84.000.000	0	100.000.000
4	Nguyễn Bích Đạt	Ủy viên HĐQT	84.000.000	0	100.000.000
5	Nguyễn Thành Nam	Nguyên Ủy viên HĐQT	21.000.000	0	100.000.000
6	Nguyễn Thị Thùy Linh	Ủy viên HĐQT	63.000.000	0	0
<b>II Ban Kiểm soát</b>					
1	Nguyễn Văn Dũng	Trưởng BKS	84.000.000	0	60.000.000
2	Trịnh Văn Thảo	TV BKS	60.000.000	0	50.000.000
3	Nguyễn Nhật Thăng	Nguyên TV BKS	15.000.000	0	40.000.000
4	Bùi Quang Đáng	TV BKS	45.000.000	0	0
<b>III Ban Điều hành</b>					
1	Huỳnh Văn Dũng	Tổng Giám đốc	0	1.175.883.450	150.000.000
2	Võ Thành Điền	P. TGD	0	788.905.950	90.000.000
3	Vũ Tuấn Anh	P. TGD -KTT	0	788.905.950	90.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>660.000.000</b>	<b>2.753.695.350</b>	<b>1.080.000.000</b>

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Huỳnh Văn Dũng	UV. HĐQT, Tổng Giám đốc	307.490	1,03	347.305	1,16	Tăng tỷ lệ sở hữu
2	Công ty CP Thương mại Địa Ốc Việt	Tổ chức đang quản lý	2.743.473	9,19	3.745.550	12,54	Tăng tỷ lệ sở hữu
3	Huỳnh Hỷ	Bố của TGD	26.600	0,08	0	0	Nhu cầu tài chính cá nhân
4	Lê Thị Cơ	Mẹ của TGD	5.115	0,01	0	0	Nhu cầu tài chính cá nhân

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

**d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:** Hoạt động của Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung tuân thủ đầy đủ theo quy định pháp luật về quản trị công ty.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 09/02/2018 và được trình bày từ trang số 06 đến trang số 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và các Công ty con tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 36 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả sự không chắc chắn của việc liệu Công ty có được miễn khoản phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt của các năm 2011 và 2012 theo công văn số 2326/UBND-TH ngày 26/07/2011 của Ủy ban nhân dân

Tỉnh Bình Định) với số tiền 13.462.481.467 đồng hay không. Vấn đề này đã được chúng tôi lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính trong các báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2015 và 2016. Đến ngày 31/12/2017 trong khi chờ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã thực hiện nộp một phần theo yêu cầu của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền là 5.047.180.366 đồng.

(đã ký)

(đã ký)

---

**Ngô Việt Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

---

**Bùi Quốc Trung**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1937-2018-055-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
*Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU SỐ B 01 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>205.721.005.407</b>	<b>189.044.754.567</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.079.085.699</b>	<b>2.654.806.247</b>
1. Tiền	111	5	6.079.085.699	2.654.806.247
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.701.076.867</b>	<b>67.908.411.476</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	40.946.785.012	42.400.500.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.360.234.252	15.241.500.204
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.723.867.987	11.291.010.785
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.332.193.886)	(1.024.711.086)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.383.502	110.832
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>142.989.740.694</b>	<b>111.976.778.629</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	142.989.740.694	111.976.778.629
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.951.102.147</b>	<b>6.504.758.215</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.340.462.742	6.493.243.647
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.610.639.405	11.514.568
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>552.796.044.572</b>	<b>457.602.766.112</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>478.343.003.170</b>	<b>393.035.398.701</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	477.760.335.400	392.305.730.918
- Nguyên giá	222		1.307.620.976.397	1.132.651.965.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(829.860.640.997)	(740.346.234.784)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	582.667.770	729.667.783
- Nguyên giá	228		1.406.656.962	1.406.656.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(823.989.192)	(676.989.179)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>7.970.897.618</b>	<b>8.299.337.114</b>
- Nguyên giá	231		9.179.007.071	9.179.007.071
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.208.109.453)	(879.669.957)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>334.268.210</b>	<b>1.266.027.534</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		334.268.210	1.266.027.534
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>975.860.000</b>	<b>975.860.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		975.860.000	975.860.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>65.172.015.574</b>	<b>54.026.142.763</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	61.845.605.322	50.372.703.105
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.326.410.252	3.653.439.658
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>758.517.049.979</b>	<b>646.647.520.679</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU SỐ B 01 - DN/HN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>281.289.456.736</b>	<b>201.085.901.334</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>212.173.775.674</b>	<b>180.602.754.951</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	19.767.612.172	31.476.944.114
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		926.392.405	543.753.448
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	124.693.072.049	66.843.774.347
4. Phải trả người lao động	314		19.012.246.529	12.609.898.071
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.164.687.651	5.176.720.010
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		64.742.661	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	13.946.150.102	12.571.659.964
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	29.530.000.000	51.441.259.682
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.872.105	(61.254.685)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>69.115.681.062</b>	<b>20.483.146.383</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	3.297.500.000	2.253.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	49.223.181.711	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	16.594.999.351	18.230.146.383
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>477.227.593.243</b>	<b>445.561.619.345</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>477.227.593.243</b>	<b>445.561.619.345</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.094.708.896	40.726.992.884
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.654.169.654	106.355.911.768
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		395.199.321	2.678.751.646
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		127.258.970.333	103.677.160.122
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>758.517.049.979</b>	<b>646.647.520.679</b>

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Nguyễn Thành Nguyên

Vũ Tuấn Anh

Huỳnh Văn Dũng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**MẪU SỐ B 02 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2017	Năm 2016
	số	minh		
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>1.123.981.254.450</b>	<b>821.540.375.454</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.850.970.410	1.133.942.729
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.122.130.284.040</b>	<b>820.406.432.725</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	24	886.394.826.114	615.023.499.472
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>235.735.457.926</b>	<b>205.382.933.253</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.538.116.778	389.018.995
7. Chi phí tài chính	22	26	3.948.082.603	5.622.718.220
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.948.082.603	5.622.596.875
8. Chi phí bán hàng	25	27	38.626.192.284	35.013.926.093
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	65.261.889.962	59.507.370.295
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>135.437.409.855</b>	<b>105.627.937.640</b>
11. Thu nhập khác	31	29	34.927.319.247	31.583.364.274
12. Chi phí khác	32	30	10.357.246.233	6.666.321.822
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>24.570.073.014</b>	<b>24.917.042.452</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>160.007.482.869</b>	<b>130.544.980.092</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	32.421.483.130	26.434.142.425
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	327.029.406	433.677.545
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>127.258.970.333</b>	<b>103.677.160.122</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	4.264	2.771
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.264	2.771

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Nguyễn Thành Nguyên

Vũ Tuấn Anh

Huỳnh Văn Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**MẪU SỐ B 03 - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2017	2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	160.007.482.869	130.544.980.092
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	95.966.965.792	91.074.827.255
- Các khoản dự phòng	03	1.502.937.938	1.010.912.112
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.282.378.217)	(573.598.128)
- Chi phí lãi vay	06	3.948.082.603	5.622.596.875
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	260.143.090.985	227.679.718.206
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.385.503.062	(15.947.787.423)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(31.012.962.065)	2.505.357.872
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	35.390.356.517	810.730.602
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.308.776.493)	(10.713.865.648)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.334.903.783)	(6.331.008.682)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.141.194.201)	(26.086.860.813)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	402.396.750	1.349.607.618
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.878.674.782)	(24.524.871.935)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	222.644.835.990	148.741.019.797
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(175.358.674.937)	(29.578.615.649)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	83.173.636	218.181.818
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.250.390.249	389.018.995
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(174.025.111.052)	(28.971.414.836)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	781.798.395.173	588.250.466.401
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(754.486.473.144)	(672.836.914.884)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(72.507.367.515)	(46.952.394.847)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(45.195.445.486)	(131.538.843.330)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.424.279.452	(11.769.238.369)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.654.806.247	14.424.044.616
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.079.085.699	2.654.806.247

Đã Lấn, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Nguyễn Thành Nguyên

Vũ Tuấn Anh

Huỳnh Văn Dũng



## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3503000233 ngày 26/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và Đăng ký thay đổi lần thứ 7 theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 4100739909 ngày 25/08/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 298.466.480.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMB.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bia, rượu, cồn, nước giải khát, thiết bị, phụ tùng nguyên vật liệu của ngành công nghiệp thực phẩm;
- Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm;
- Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, kinh doanh bất động sản, nhà ở, kho bãi và văn phòng cho thuê;
- Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản, nông thổ sản, xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch; và
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Cấu trúc Công ty**

Tại thời điểm 31/12/2017, tổ chức của Công ty bao gồm:

- Trụ sở chính đặt tại số 01 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Phú Yên tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;
- Chi nhánh Quy Nhơn tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Trong năm 2017, thực hiện theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐQT ngày 04/9/2017 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện góp vốn để thành lập Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn do Công ty sở hữu 100% vốn. Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101496141 ngày 20/9/2017 với vốn điều lệ là 23.036.081.218 đồng.

## **2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn (công ty con) do Công ty sở hữu 100% vốn. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất sẽ không bao gồm các chỉ tiêu có liên quan tới Lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong Tổng công ty được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Chuyển đổi ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



## **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

## **Công cụ tài chính**

### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

## Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác (nếu có);
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

## Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

## Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.



Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	08 - 20

## **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không phải tính khấu hao do Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19 tháng 11 năm 1988 là vô thời hạn.

### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

### ***Bất động sản đầu tư***

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

### ***Bất động sản đầu tư cho thuê***

Bất động sản đầu tư cho thuê là giá trị nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thời gian khấu hao của nhà cửa là từ 16 năm đến 25 năm.

### ***Bất động sản đầu tư chờ tăng giá***

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá là giá trị quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai được trình bày theo nguyên giá trừ các tổn thất do suy giảm giá trị.

### ***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### ***Chi phí trả trước***

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí công cụ dụng cụ bao gồm chi phí vỏ chai bia, két bia, thiết bị bia hơi, pallet đã đưa vào sử dụng. Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 đến 36 tháng. Riêng chi phí vỏ chai két mua trước năm 2012 tiếp tục được phân bổ trong thời gian là 12 năm nhất quán với chính sách phân bổ trước đó.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản nhưng không quá 36 tháng.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn ba điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- (b) Có thể xảy ra sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- (c) Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

*Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu hoạt động tài chính*** bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay (chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài

sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Toàn bộ sản phẩm bia chai nhãn hiệu Bia Sài Gòn được bán cho Tổng công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn theo giá bán và giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt quy định trong hợp đồng. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của bia là 60%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 34.

## **5. TIỀN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	514.508.489	498.439.361
Tiền gửi ngân hàng	5.564.577.210	2.156.366.886
<b>Cộng</b>	<b><u>6.079.085.699</u></b>	<b><u>2.654.806.247</u></b>

## **6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**



	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	32.631.733.090	36.631.119.635
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp An Hưng	3.783.720.981	1.851.610.640
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.531.330.941	3.917.770.466
<b>Cộng</b>	<b>40.946.785.012</b>	<b>42.400.500.741</b>

Trong đó, Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn là bên liên quan của Công ty.

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Ký cược, ký quỹ	43.000.000	-	8.854.918.247	-
- Tạm ứng	247.673.245	-	780.407.815	-
- Thuế nhà thầu nộp thay cho KRONES AG	1.106.135.809	-	-	-
- Phải thu khác	1.327.058.933	141.472.708	1.655.684.723	141.472.708
<b>Cộng</b>	<b>2.723.867.987</b>	<b>141.472.708</b>	<b>11.291.010.785</b>	<b>141.472.708</b>

## 8. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Đối tượng	31/12/2017				01/01/2017			
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi số	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi số	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Phải thu khách hàng</b>								
Công ty TNHH MTV Thương mại Chiến Kim Anh	Trên 3 năm	641.492.329	-	641.492.329	Trên 3 năm	641.492.329	-	641.492.32
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	159.076.049	-	159.076.049	Trên 3 năm	169.746.049	-	169.746.04
<b>Phải thu khác</b>								
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	141.472.708	-	141.472.708	Trên 3 năm	141.472.708	-	141.472.70
<b>Trả trước cho người bán</b>								
Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng TTNT Cao Nguyên Xanh	Trên 3 năm	72.000.000	-	72.000.000	Trên 3 năm	72.000.000	-	72.000.00
Công ty TNHH Quốc Minh E.C.M	Từ 2-3 năm	454.504.000	136.351.200	318.152.800	Từ 1-2 năm	454.504.000	454.504.000	
<b>Cộng</b>		<b>1.468.545.086</b>	<b>136.351.200</b>	<b>1.332.193.886</b>		<b>1.479.215.086</b>	<b>454.504.000</b>	<b>1.024.711.08</b>



## 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	565.546.875	-	48.677.433	-
Nguyên liệu, vật liệu	62.839.995.044	-	35.014.880.722	-
Công cụ, dụng cụ	49.045.258.542	-	47.865.854.749	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.943.391.748	-	19.844.104.111	-
Thành phẩm	7.876.634.888	-	9.182.959.575	-
Hàng hoá	1.702.979.650	-	7.493.738	-
Hàng gửi bán	15.933.947	-	12.808.301	-
<b>Cộng</b>	<b>142.989.740.694</b>	<b>-</b>	<b>111.976.778.629</b>	<b>-</b>

Công ty không có hàng kém, mất phẩm chất, chậm luân chuyển hoặc bị giảm giá nên Ban Giám đốc Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2017.

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.340.462.742</b>	<b>6.493.243.647</b>
- Chi phí bảo hiểm tài sản	352.908.977	330.693.638
- Chi phí CCDC	170.781.185	144.622.410
- Chi phí phụ tùng thay thế	1.131.364.765	1.994.447.023
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	685.407.815	4.023.480.576
<b>Dài hạn</b>	<b>61.845.605.322</b>	<b>50.372.703.105</b>
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	3.918.589.096	4.155.558.683
- Chi phí vỏ chai kết	37.609.184.575	37.654.443.046
- Chi phí CCDC	8.074.822.276	6.666.965.855
- Chi phí trả trước dài hạn khác	12.243.009.375	1.895.735.521
<b>Cộng</b>	<b>64.186.068.064</b>	<b>56.865.946.752</b>

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	176.536.654.832	933.459.139.219	16.951.748.712	4.680.344.105	1.024.078.834	1.132.651.965.702
Mua trong năm	13.598.441.010	14.280.888.908	4.634.015.700	709.624.000	-	33.222.969.618
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	20.294.677.808	128.599.576.026	-	-	-	148.894.253.834
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.203.324.504)	-	(71.257.254)	-	(1.274.581.758)
Tặng/Giảm khác	(1.887.786.594)	(2.476.343.617)	(1.495.409.879)	(14.090.909)	-	(5.873.630.999)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>208.541.987.056</b>	<b>1.072.659.936.032</b>	<b>20.090.354.533</b>	<b>5.304.619.942</b>	<b>1.024.078.834</b>	<b>1.307.620.976.397</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	73.117.558.341	654.281.782.093	9.175.827.795	3.116.134.796	654.931.759	740.346.234.784
Khấu hao trong năm	10.504.314.549	82.872.022.805	1.654.549.527	381.090.086	79.549.316	95.491.526.283
Thanh lý, nhượng bán	-	(280.174.292)	-	(71.257.254)	-	(351.431.546)
Tặng/Giảm khác	(1.696.685.552)	(2.256.262.052)	(1.672.740.920)	-	-	(5.625.688.524)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>81.925.187.338</b>	<b>734.617.368.554</b>	<b>9.157.636.402</b>	<b>3.425.967.628</b>	<b>734.481.075</b>	<b>829.860.640.997</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2017	103.419.096.491	279.177.357.126	7.775.920.917	1.564.209.309	369.147.075	392.305.730.918
Tại ngày 31/12/2017	126.616.799.718	338.042.567.478	10.932.718.131	1.878.652.314	289.597.759	477.760.335.400
TSCĐ hết khấu hao vẫn còn SD	5.384.605.317	77.235.742.897	6.080.721.194	2.787.263.996	577.279.921	92.065.613.325



## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	500.000.000	677.656.962	229.000.000	1.406.656.962
Tại ngày 31/12/2017	500.000.000	677.656.962	229.000.000	1.406.656.962
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	-	576.456.953	100.532.226	676.989.179
Khấu hao trong năm	-	101.200.009	45.800.004	147.000.013
Tại ngày 31/12/2017	-	677.656.962	146.332.230	823.989.192
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2017	500.000.000	101.200.009	128.467.774	729.667.783
Tại ngày 31/12/2017	500.000.000	-	82.667.770	582.667.770

## 13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

KHOẢN MỤC	01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2017 VND
<b>I. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ</b>				
Nguyên giá				
- Nhà	6.771.346.071	-	-	6.771.346.071
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà	879.669.957	328.439.496	-	1.208.109.453
Giá trị còn lại				
- Nhà	5.891.676.114	-	328.439.496	5.563.236.618
<b>II. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ</b>				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất	2.407.661.000	-	-	2.407.661.000
Tổn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất	2.407.661.000	-	-	2.407.661.000

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được xác định bởi Biên bản định giá lại tài sản thể chấp ngày 12/9/2011 và văn bản thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp số 38/2012/VBTT ngày 02/02/2012 giữa Công ty và một khách hàng. Lô đất tại địa chỉ khối 4 huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk. Công ty dự định nắm giữ quyền sử dụng đất này để bán trong tương lai.

Nhà cửa thể hiện giá trị của khu nhà văn phòng tại trụ sở chính mà Công ty đang cho một bên khác thuê hàng năm.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	4.393.446.713	4.393.446.713	12.733.083.100	12.733.083.100
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	895.009.632	895.009.632	1.114.686.039	1.114.686.039
Công ty TNHH Vận tải Ôtô An Phước	1.342.717.264	1.342.717.264	321.879.580	321.879.580
Cty TNHH Đại Thịnh	882.000.000	882.000.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	3.219.757.458	3.219.757.458	1.769.256.758	1.769.256.758
Phải trả cho các đối tượng khác	9.034.681.105	9.034.681.105	15.538.038.637	15.538.038.637
<b>Cộng</b>	<b>19.767.612.172</b>	<b>19.767.612.172</b>	<b>31.476.944.114</b>	<b>31.476.944.114</b>

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	4.393.446.713
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	895.009.632

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**



	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.296.706.495	107.693.405.393	103.220.323.119	13.769.788.769
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	(5.561.828)	8.638.342.450	8.681.122.301	(48.341.679)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	48.948.115.655	841.662.522.825	792.732.110.791	97.878.527.689
Thuế xuất nhập khẩu	(2.211.509)	434.164.465	466.648.735	(34.695.779)
Thuế TNĐN hiện hành	8.276.330.271	32.421.483.130	28.141.194.201	12.556.619.200
Thuế thu nhập cá nhân	316.311.653	3.215.301.687	3.080.690.050	450.923.290
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	2.014.790.942	3.538.651.658	(1.523.860.716)
Các loại thuế khác	2.569.042	2.873.173.675	2.842.270.847	33.471.870
<b>Cộng</b>	<b>66.832.259.779</b>	<b>998.953.184.567</b>	<b>942.703.011.702</b>	<b>123.082.432.644</b>
<b>Trong đó:</b>				
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	66.843.774.347			124.693.072.049
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	11.514.568			1.610.639.405

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>51.441.259.682</b>	<b>51.441.259.682</b>	<b>732.575.213.462</b>	<b>754.486.473.144</b>	<b>29.530.000.000</b>	<b>29.530.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk (1)	27.500.000.000	27.500.000.000	167.547.531.786	192.047.531.786	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk (2)	123.142.000	123.142.000	346.517.410.945	324.640.552.945	22.000.000.000	22.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Quy Nhơn	16.702.117.682	16.702.117.682	218.510.270.731	235.212.388.413	-	-
- Vay cá nhân	7.116.000.000	7.116.000.000	-	2.586.000.000	4.530.000.000	4.530.000.000
<b>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>49.223.181.711</b>	<b>-</b>	<b>49.223.181.711</b>	<b>49.223.181.711</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk (3)	-	-	49.223.181.711	-	49.223.181.711	49.223.181.711
<b>Cộng</b>	<b>51.441.259.682</b>	<b>51.441.259.682</b>	<b>781.798.395.173</b>	<b>754.486.473.144</b>	<b>78.753.181.711</b>	<b>78.753.181.711</b>
<b>Lịch trả nợ vay dài hạn</b>						
- Năm 2019	24.613.875.252					
- Năm 2020	24.609.306.459					
<b>Cộng</b>	<b>49.223.181.711</b>					



- (1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng số 1201117/MQK/HĐTĐ ngày 12/01/2017. Hạn mức cho vay tối đa là 80 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 12/01/2017 đến hết ngày 31/12/2017. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo công bố lãi suất của bên cho vay trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng cho vay hạn mức số 17.20.0058/2017-HĐTĐHM/NHCT502-BIASG-MT ngày 19/10/2017. Tổng hạn mức cho vay tối đa là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 18/10/2017 đến hết ngày 10/10/2018. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo công bố của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh một tháng một lần.
- (3) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo hai hợp đồng:
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 261017/MQK/HĐTĐ1 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 261017/MQK/HĐCTD ngày 26/10/2017. Số tiền cho vay tối đa là 26.625.000.000 đồng. Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày sau ngày giải ngân đầu tiên. Trả nợ gốc định kỳ hàng quý. Lãi suất cho vay theo từng thời điểm và được ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay để bù đắp các chi phí hợp lý hợp lệ công ty đã sử dụng vốn tự có vào đầu tư các tài sản cố định để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh bia rượu, nước giải khát.
  - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 261017/MQK/HĐTĐ2 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 261017/MQK/HĐCTD ngày 26/10/2017. Số tiền cho vay tối đa là 26.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày sau ngày giải ngân đầu tiên. Trả nợ gốc định kỳ hàng quý. Lãi suất cho vay theo từng thời điểm và được ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay để tài trợ cho các nhu cầu thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lệ liên quan đến việc thực hiện phương án đầu tư "Hệ thống máy móc kiểm tra chai xi và máy kiểm tra code chai tại Nhà máy bia Đắk Lắk, Quy Nhơn và Phú Yên. Hệ thống tank lên men - tank TBF tại Nhà máy Bia Đắk Lắk và Hệ thống nhà nấu sản xuất bia tự doanh tại Nhà máy bia Phú Yên" do Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung làm chủ đầu tư.

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Lãi vay	638.674.414	35.556.429
Phí hao hụt kết phải trả cho nhà phân phối	1.242.188.711	2.766.907.409
Chi phí phải trả khác	2.283.824.526	2.374.256.172
<b>Cộng</b>	<b><u>4.164.687.651</u></b>	<b><u>5.176.720.010</u></b>

## 18. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.946.150.102</b>	<b>12.571.659.964</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	3.309.732	325
- Kinh phí công đoàn	265.840.459	340.595.609
- BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN	49.460.478	48.387.612
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.368.005.600	2.452.195.740
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.218.109.976	5.353.784.729
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.041.423.857	4.376.695.949
<b>Dài hạn</b>	<b>3.297.500.000</b>	<b>2.253.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.297.500.000	2.253.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>17.243.650.102</u></b>	<b><u>14.824.659.964</u></b>

## 19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc (1)	8.179.698.250	7.291.255.100
Dự phòng thuế TTĐB giai đoạn 2011-2012 (2)	8.415.301.101	10.938.891.283
<b>Cộng</b>	<b><u>16.594.999.351</u></b>	<b><u>18.230.146.383</u></b>

- (1) Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc trích lập trên cơ sở số lượng lao động ký hợp đồng lao động trước ngày 01/01/2009 đang làm việc tại Công ty và mỗi năm công tác được hỗ trợ một nửa tháng tiền lương bình quân của người lao động 6 tháng gần nhất kể từ thời điểm trích lập dự phòng ngày 31/12/2017.
- (2) Chi phí dự phòng nợ phải trả về tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB giai đoạn 2011-2012 do chưa có quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ (Thuyết minh số 36).



## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>12.234.693</b>	<b>29.560.288.439</b>	<b>80.501.893.210</b>	<b>408.540.896.342</b>
Lãi trong năm	-	-	-	103.677.160.122	103.677.160.122
Trích lập các quỹ đầu tư	-	-	11.166.704.445	(11.166.704.445)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(18.901.800.319)	(18.901.800.319)
Chi cổ tức	-	-	-	(47.754.636.800)	(47.754.636.800)
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>12.234.693</b>	<b>40.726.992.884</b>	<b>106.355.911.768</b>	<b>445.561.619.345</b>
Lãi trong năm	-	-	-	127.258.970.333	127.258.970.333
Trích lập các quỹ đầu tư	-	-	10.367.716.012	(10.367.716.012)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.976.376.435)	(20.976.376.435)
Chia cổ tức	-	-	-	(74.616.620.000)	(74.616.620.000)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>12.234.693</b>	<b>51.094.708.896</b>	<b>127.654.169.654</b>	<b>477.227.593.243</b>

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 08/4/2017, trong đó:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10.367.716.012 đồng
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 14.514.802.417 đồng
- Trích Quỹ thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch 6.461.574.018 đồng
- Chia cổ tức (25%) 74.616.620.000 đồng

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
	VND	VND	
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	96.173.630.000	96.173.630.000	32,20%
Các đối tượng khác	202.292.850.000	202.292.850.000	67,80%
<b>Cộng</b>	<b><u>298.466.480.000</u></b>	<b><u>298.466.480.000</u></b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.846.648	29.846.648
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.846.648	29.846.648
- Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	29.846.648
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	29.846.648
- Cổ phiếu ưu đãi	29.846.648	29.846.648
	-	-

*Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng*

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	127.258.970.333	103.677.160.122
Trừ: số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(14.514.802.417)
Trừ: thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch	-	(6.461.574.018)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>127.258.970.333</b>	<b>82.700.783.687</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.846.648	29.846.648
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>4.264</u></b>	<b><u>2.771</u></b>

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2017, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 08/04/2017.



## 22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	31/12/2017	01/01/2017
<b>Tài sản nhận giữ hộ</b>			
- Bia Sài Gòn 450	Két	114.060	119.740
- Bia Sài Gòn 355	Két	36.830	200.560
- Bia Sài Gòn Lager 355	Két	95	14.111
- Bia lon Sài Gòn Lager 330	Thùng	2.531	-
- Bia Lowen 330	Két	6.271	18.413
- Ca nhựa 2L	Cái	-	82
		<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>			
- USD		367,61	1.408,82
- EURO		639,72	592,74

## 23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	1.110.094.617.896	805.976.284.098
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.904.709.281	14.732.594.993
Doanh thu cho thuê bất động sản	981.927.273	831.496.363
<b>Cộng doanh thu</b>	<b>1.123.981.254.450</b>	<b>821.540.375.454</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Chiết khấu thương mại	1.850.970.410	1.133.942.729
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.122.130.284.040</b>	<b>820.406.432.725</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	812.182.860.836	588.591.048.535

## 24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	881.144.620.774	608.768.904.567
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.882.197.548	6.018.006.990
Chi phí từ cho thuê Bất động sản đầu tư	368.007.792	236.587.915
<b>Cộng</b>	<b>886.394.826.114</b>	<b>615.023.499.472</b>

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.250.390.249	281.178.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	107.344.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.287.726.529	495.678
<b>Cộng</b>	<b>7.538.116.778</b>	<b>389.018.995</b>

## 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.948.082.603	5.622.596.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	121.345
<b>Cộng</b>	<b>3.948.082.603</b>	<b>5.622.718.220</b>

## 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>38.626.192.284</b>	<b>35.013.926.093</b>
Chi phí lương nhân viên	8.016.156.506	3.947.644.519
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.001.234.921	4.804.853.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	222.640.485	61.619.404
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	2.115.056.069	1.849.039.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.543.409.191	9.711.859.437
Chi phí khác	14.727.695.112	14.638.909.178
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>65.261.889.962</b>	<b>59.507.370.295</b>
Chi phí lương nhân viên	29.510.559.732	22.465.082.975
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.809.503.337	1.159.029.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.640.543.713	3.476.387.896
Chi phí thuê đất, thuế đất	2.764.890.571	5.348.868.061
Chi phí dự phòng	1.584.672.938	2.314.833.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.803.483.960	3.741.972.272
Chi phí khác	21.148.235.711	21.001.196.091
<b>Cộng</b>	<b>103.888.082.246</b>	<b>94.521.296.388</b>

## 28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	661.983.402.023	427.957.156.969
Chi phí nhân công	83.415.530.743	69.026.670.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.963.296.249	91.074.827.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.035.944.076	68.102.123.421
Chi phí khác bằng tiền	54.042.889.315	56.244.180.890
<b>Cộng</b>	<b>969.441.062.406</b>	<b>712.404.959.384</b>

## 29. THU NHẬP KHÁC

	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	19.723.423	184.579.133
Tiền phạt thu được	-	13.299.860
Thu từ bán bã hèm	13.922.519.869	14.119.554.370
Bán vật tư, phế liệu	3.884.397.990	3.569.395.586
Các khoản khác	17.100.677.965	13.696.535.325
<b>Cộng</b>	<b>34.927.319.247</b>	<b>31.583.364.274</b>

### 30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu	21.721.320	16.365.380
Bán vật tư, phế liệu	3.958.152.352	4.188.269.646
Các khoản khác	6.377.372.561	2.461.686.796
<b>Cộng</b>	<b>10.357.246.233</b>	<b>6.666.321.822</b>

### 31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>160.007.482.869</b>	<b>130.544.980.092</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
<b>Trừ:</b>		
- Cổ tức được chia	-	(107.344.600)
- Dự phòng thôi việc đã trích năm trước chi năm nay	(388.746.988)	(144.057.200)
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.368.480.109)
- Chênh lệch tạm thời về chi phí thuế	(102.800.000)	-
<b>Cộng:</b>		
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	735.947.774	895.338.689
- Các khoản trích trước nhưng hóa đơn năm sau	520.740.000	-
- Chi phí dự phòng thôi việc trích bổ sung năm nay	1.277.190.138	2.322.274.301
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>162.049.813.793</b>	<b>132.142.711.173</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>32.409.962.758</b>	<b>26.428.542.235</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Quyết định của cơ quan thuế	11.520.372	29.216.000
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN theo quyết toán 2015	-	(23.615.810)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>32.421.483.130</b>	<b>26.434.142.425</b>

### 32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI



	VND	VND
<b>Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế</b>		
Chi phí dự phòng thôi việc đã trích năm trước nhưng chi năm nay	388.746.988	144.057.200
Chi phí dự phòng thuế phạt	2.523.590.182	2.523.590.184
Chi phí dự phòng thôi việc trích bổ sung năm nay	(1.277.190.138)	(2.322.274.301)
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>327.029.406</b>	<b>69.074.617</b>
Cộng: chênh lệch chi phí thuế TNDN hoãn lại năm trước do thay đổi thuế suất từ 22% xuống 20%	-	364.602.928
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>327.029.406</b>	<b>433.677.545</b>

### 33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

#### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.079.085.699	2.654.806.247
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.047.785.868	43.031.474.378
Đầu tư dài hạn	975.860.000	975.860.000
Tài sản tài chính khác	43.000.000	8.854.918.247
<b>Cộng</b>	<b>49.145.731.567</b>	<b>55.517.058.872</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	78.753.181.711	51.441.259.682
Phải trả người bán và phải trả khác	40.240.678.146	49.791.371.703
Chi phí phải trả	4.164.687.651	5.176.720.010
Công nợ tài chính khác	3.297.500.000	2.253.000.000
<b>Cộng</b>	<b>126.456.047.508</b>	<b>108.662.351.395</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.332.530	31.214.424	-	-
Euro (EUR)	16.727.938	13.932.205	-	-

### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2017 là 1.332.193.886 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 1.024.711.086 đồng).

### Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Các khoản vay	29.530.000.000	49.223.181.711	-	78.753.181.711
Phải trả người bán và phải trả khác	40.240.678.146	-	-	40.240.678.146
Chi phí phải trả	4.164.687.651	-	-	4.164.687.651
Công nợ tài chính khác	-	3.297.500.000	-	3.297.500.000
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Các khoản vay	51.441.259.682	-	-	51.441.259.682
Phải trả người bán và phải trả khác	49.791.371.703	-	-	49.791.371.703
Chi phí phải trả	5.176.720.010	-	-	5.176.720.010
Công nợ tài chính khác	-	2.253.000.000	-	2.253.000.000

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.079.085.699	-	-	6.079.085.699
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.047.785.868	-	-	42.047.785.868
Đầu tư dài hạn	-	-	975.860.000	975.860.000
Tài sản tài chính khác	43.000.000	-	-	43.000.000
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.654.806.247	-	-	2.654.806.247
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.031.474.378	-	-	43.031.474.378
Đầu tư dài hạn	-	-	975.860.000	975.860.000
Tài sản tài chính khác	8.854.918.247	-	-	8.854.918.247



**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn  
 Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn

Cổ đông chiếm 32,2% vốn điều lệ  
 Công ty con của Tổng Công ty Cổ  
 phần Bia rượu NGK Sài Gòn

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	411.634.934.969	192.111.703.940
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	2.301.121.569	3.575.129.334
<b>Thu nhập của Ban điều hành</b>		
Thu nhập của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	6.906.755.306	5.068.951.845

### 35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính này.

### 36. THÔNG TIN KHÁC

Theo Công văn số 2326/UBND-TH ngày 26/07/2011 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định về việc đề nghị gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung, từ tháng 06 năm 2011 đến tháng 12 năm 2012, hàng tháng Công ty thực hiện kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt 100% và thực nộp 50% cho ngân sách, 50% số thuế còn lại được nộp đầy đủ vào ngày 25/12 của từng năm tài chính.

Theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH của Văn phòng chính phủ ngày 02/6/2014, Văn phòng chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính kiểm tra, đánh giá cụ thể việc Công ty thực hiện nộp thuế TTĐB theo văn bản số 2326/UBND-TH ngày 26/7/2011 của UBND tỉnh Bình Định để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của tổ chức, đơn vị liên quan và xử lý theo quy định của pháp luật trước khi xem xét giải quyết miễn phạt chậm nộp thuế TTĐB đối với Công ty.

Theo Công văn số 17243/BTC-TCT ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ: sau khi xem xét tình hình thực tế và căn cứ điều 111 Luật quản lý thuế, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét xử lý miễn phạt chậm nộp thuế TTĐB cho Công ty trong năm 2011 và năm 2012 với số tiền là 13.462.481.467 đồng.

Theo Công văn số 5198/BTC-TCT ngày 20/4/2015 của Bộ Tài chính gửi UBND tỉnh Bình Định và Công văn số 1887/UBND-TH ngày 05/5/2015 của UBND tỉnh Bình Định gửi Cục thuế tỉnh Bình Định và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung: Đề nghị phối hợp báo cáo một số nội dung bổ sung làm căn cứ xem xét miễn phạt chậm nộp thuế. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung, Cục thuế tỉnh Bình Định, UBND tỉnh Bình Định đã gửi công văn giải trình theo yêu cầu của Bộ tài chính.

Áp dụng nguyên tắc thận trọng của kế toán trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải trả liên quan đến khoản tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB nói trên với mức trích lập là 100% trên cơ sở xem xét thận trọng tình hình tài chính và việc thực hiện các chi tiêu chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty thông qua. Việc Công ty có phải nộp khoản tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB năm 2011 và 2012 nêu trên hay không phụ thuộc vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

va Tổng cục thuế về việc xin chủ trương giải quyết miễn phạt chậm nộp thuế TTĐB đối với Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung do thuộc trường hợp bất khả kháng. Đồng thời, cũng trong thời gian này, Cục thuế tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 991/QĐ-CT ngày 10/6/2016 về việc yêu cầu Công ty tiến hành tạm nộp số tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB phát sinh tại trụ sở chính tại Đắk Lắk (trường hợp Chính phủ đồng ý miễn thì Cục thuế tỉnh Đắk Lắk sẽ hoàn trả lại). Ngày 07/07/2016, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung đã gửi công văn số 150/CV-SMB đến Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị nộp dần tiền thuế nợ trong vòng 12 tháng từ ngày 07/07/2016 đến ngày 07/07/2017. Tổng số tiền Công ty đã nộp cho Cục thuế tỉnh Đắk Lắk đến ngày 31/12/2017 là 5.047.180.366 đồng.

### 37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Nguyễn Thành Nguyên

Vũ Tuấn Anh

Huỳnh Văn Dũng

**\*Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- Lưu VT-SMB.

TP. Buôn Ma Thuột, ngày 13 tháng 02 năm 2018

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đại diện theo pháp luật của Công ty)



Huỳnh Văn Dũng